

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM -ST

Ngày 04/01/2018

“V/v; Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Nam Trung.

- *Các hội thẩm Nhân dân:*

1/ Ông: Dương Văn An.

2/ Bà: Đinh Thị Hoan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Bình, Cán bộ Tòa án Nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai..

- *Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Chư Pưh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018. Tại phòng xử án Tòa án Nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai – Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2017/TLST – KDTM, ngày 17 tháng 10 năm 2017; về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐST – KDTM, ngày 29 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn Phiên tòa số: 04/2017/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ;

Địa chỉ: 130 P, quận Ph, TP Hồ Chí Minh.

Do ông Hồ Mạnh D – Nhân viên phòng phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Đ- chi nhánh tỉnh Gi- Đại diện theo văn bản ủy quyền số 89/2017/QĐ – DAB, ngày 09/10/2017.

Địa chỉ: 01 P, phường T, TP Plei Ku, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

Bị đơn: Ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T. Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay; Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ do ông Hồ Mạnh D trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh G (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T vay vốn tại hợp đồng tín dụng số K2476/1 ngày 13/12/2016 cụ thể:

Số tiền vay: 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi suất 8,5%/năm, lãi quá hạn 12,75%/năm.

Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh.

Trong quá trình vay, từ ngày 13/12/2016 đến ngày 09/10/2017 ông văn Toàn P, bà Trần Thị T trả được tổng số tiền như sau; Về vốn trả không đồng, về lãi trong hạn trả được 60.200.000đ, lãi quá hạn trả không đồng.

Đến thời hạn trả nợ gốc, lãi vay; ông P, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó toàn bộ khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số K2476/1 ngày 13/12/2016 giữa Ngân hàng và ông P, bà T đã bị quá hạn theo quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đ; vì vậy Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay trên ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T có thể chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số K7538/HĐTC ngày 12/12/2016;

Hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo qui định của pháp luật để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền vay.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Phú Hòa, xã Ia Le, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Tại GCNQSD đất số; BT 260455 do UBND huyện Chư Pưh cấp ngày 22/9/2014, thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số TĐ(05)-2014(cũ:00); diện tích đất 9515 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Phú Hòa, xã Ia Le, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Tại GCNQSD đất số; BT 260456 do UBND huyện Chư Pưh cấp ngày 22/9/2014, thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số TĐ(06)-2014(cũ:00); diện tích đất 31412,5 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Thủy Phú, xã Ia Le, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Tại GCNQSD đất số; CA 859572 do UBND huyện Chư Pưh cấp ngày 03/8/2015, thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 64; diện tích đất 7263 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Phú Vinh, xã Ia BLứ, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Tại GCNQSD đất số; CD 838552 do UBND huyện Chư Pưh cấp ngày 05/7/2016, thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 80; diện tích đất 5442,3 m².

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông P, bà T đã vi phạm hợp đồng tín dụng số K2476/1 ngày 13/12/2016.

Ngày 15/7/2017 toàn bộ số tiền vay của ông P, bà T đã chuyển sang nợ quá hạn theo quy chế cho vay, qui định phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng theo qui định của Thống đốc NHNN Việt Nam.

Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện ông P, bà T ra Tòa án Nhân dân huyện Chư Pưh và đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ; Thông qua Ngân hàng TMCP Đ– Chi nhánh G với tổng số tiền là: 1.471.361.111đ.

Trong đó: Nợ gốc: 1.400.000.000đ; Nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử (ngày 04/01/2018): 71.361.111đ (lãi trong hạn 120.652.778đ, đã trả được 60.000.000đ, còn lại 60.452.778đ, lãi quá hạn 10.908.333đ).

Trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án – Bị đơn ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T đã được tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ để ông P, bà T viết bản tự khai trình bày ý kiến của mình về nội dung và yêu cầu của người khởi kiện, cũng như tham gia phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng ông P, bà T không có mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông P, bà T tham gia phiên tòa nhưng ông P, bà T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Căn cứ các Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 01, 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông P, bà T trả cho NHTMCP Đ số tiền gốc là 1.400.000đồng, tiền lãi là 71.361.111đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP Đ, thông qua chi nhánh G vào ngày 13/12/2016, do đó có cơ sở xác định giữa ông P, bà T và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự, nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” ông P, bà T trú tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 01 Điều 30, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai.

[2] Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đúng theo quy định của pháp luật, triệu tập các bên đến tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] về nội dung vụ án;

Ngân hàng TMCP Đ– Chi nhánh G có cho ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T vay vốn tại hợp đồng tín dụng số K2476/1 ngày 13/12/2016 cụ thể như sau;

Số tiền vay: 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi suất 8,5%/năm, lãi quá hạn 12,75%/năm. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh.

Trong quá trình vay, từ ngày 13/12/2016 đến ngày 09/10/2017 ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T trả được tổng số tiền như sau; Về vốn trả không đồng, về lãi trong hạn trả được 60.200.000đ.

Đến thời hạn trả nợ gốc, lãi vay; ông P, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó toàn bộ khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số K2476/1 ngày 13/12/2016 giữa Ngân hàng và ông P, bà T đã bị quá hạn theo quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đ; vì vậy Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay trên ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T có thể chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số K7538/HĐTC ngày 12/12/2016;

Hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo qui định của pháp luật để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền vay.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Phú Hòa, xã Ia Le, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Tại GCNQSD đất số; BT 260455 do UBND huyện Chư Pưh cấp ngày 22/9/2014, thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số TĐ(05)-2014(cũ:00); diện tích đất 9515 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Phú Hòa, xã Ia Le, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Tại GCNQSD đất số; BT 260456 do UBND huyện Chư Pưh cấp ngày 22/9/2014, thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số TĐ(06)-2014(cũ:00); diện tích đất 31412,5 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Thủy Phú, xã Ia Le, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Tại GCNQSD đất số; CA 859572 do UBND huyện Chư Pưh cấp ngày 03/8/2015, thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 64; diện tích đất 7263 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Phú Vinh, xã Ia BLứ, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Tại GCNQSD đất số; CD 838552 do UBND huyện Chư Pưh cấp ngày 05/7/2016, thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 80; diện tích đất 5442,3 m².

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T đã vi phạm hợp đồng tín dụng và có thái độ chây ỳ thiếu thiện chí hợp tác với Ngân hàng, là lỗi hoàn toàn thuộc về ông P, bà T. Căn cứ vào các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và ông P, bà T. Vì vậy Ngân hàng TMCP Đ đã khởi kiện ông P, bà T ra Toà án Nhân dân huyện Chư Pưh và đề nghị Toà án giải quyết. Buộc ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thông qua Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh G với tổng số tiền là: 1.471.631.111đ.

Trong đó: Nợ gốc: 1.400.000.000đ; Nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử còn lại (ngày 04/01/2018): 71.361.111đ (trong đó lãi trong hạn là 60.452.778đ, tiền lãi quá hạn là 10.908.333đ) là có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch dân sự về việc vay tiền, thế chấp tài sản giữa Ngân hàng và ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi đến hạn trả nợ các khoản nợ gốc và lãi nhưng ông P, bà T không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông P, bà T trả số tiền

gốc đã vay là 1.400.000.000đ và tiền lãi là 71.361.111đ; Tổng cộng 1.471.361.111đ là có cơ sở cần được chấp nhận.

Trong trường hợp ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý đối với tài sản của ông P, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Xử buộc ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 281; 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tuyên bố:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

- Buộc ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ– Thông qua chi nhánh G số tiền gốc là 1.400.000.000đ, tiền lãi là 71.361.111đ; Tổng cộng 1.471.361.111đ.

“Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết. Kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thì hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.”

[2] **Về án phí:** Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Trương Văn Toàn P, bà Trần Thị T phải chịu án phí DSST 1.471.361.111đ $[36.000.000đ + (671.361.111đ \times 3\%)] = 56.140.833đ$ (Năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng).

- Ngân hàng TMCP Đ– Chi nhánh G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 27.584.500đ đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000473, ngày 17/10/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Puh.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án, bị đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày được giao hoặc niêm yết bản án lên Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKS Nhân dân huyện Chư Pưh*
- *Chi cục THA huyện Chư Pưh*
- *Lưu VT/ Hồ sơ.*

**TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung

